Bài 5: HIỆU ỨNG HOẠT HÌNH

I. Tạo hiệu ứng cho từng đối tượng (Custom Animation)

Một Textbox chứa văn bản, 1 hình ảnh, 1 đoạn phim,… đều được xem là một đối tượng (object) trên trang trình chiếu. Có thể được tạo một hoặc nhiều hiệu ứng hoạt hình trên đối tượng đó.

Thực hiện tạo hiệu ứng cho đối tượng:

- Chọn màn hình thiết kế dạng: Slide view
- Chọn trang trình chiếu (Slide) cần thực hiện
- Chọn đối tượng cần tạo hiệu ứng
- Chọn lệnh **SLIDE SHOW/ CUSTOM ANIMATION** (hoặc bấm mouse phải vào đối tượng chọn lệnh **Custom Animation**), khi đó xuất hiện bên phải màn hình menu lệnh Custom Animation như hình 5.1

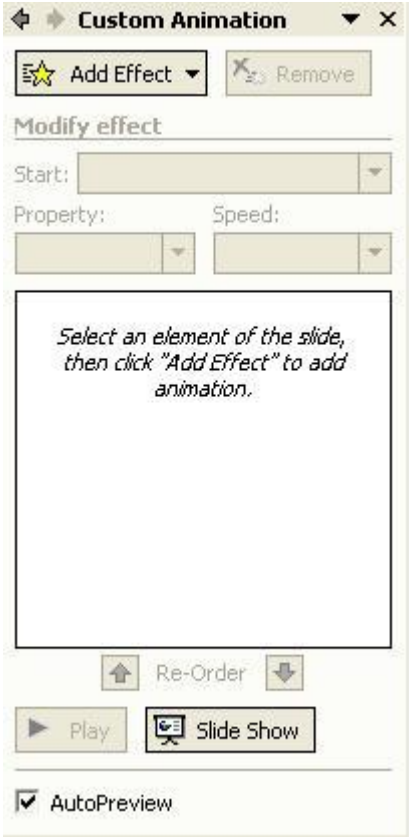

Hình 5.1

Trong hộp Custom Animation ta thực hiện:

- Chọn lệnh ADD EFFECT: để tạo hiệu ứng cho đối tượng bằng cách chọn:
  - **Entrance**: (hình ngôi sao màu xanh lá cây) hiệu ứng đưa đối tượng vào trong slide trình chiếu.
  - **Emphasis**: (hình ngôi sao màu vàng) hiệu ứng để nhấn mạnh và làm nổi bật đối tượng trong khi trình chiếu.
  - **Exit**: (hình ngôi sao màu đỏ) hiệu ứng để đưa đối tượng ra khỏi trang trình chiếu.
  - **Motion path**: (hình ngôi sao rỗng) hiệu ứng cho đối tượng chuyển động trên một quãng đường tự tạo

Sau khi đã áp hiệu ứng vào đối tượng, ta sẽ thấy lệnh ADD EFFECT đổi thành lệnh CHANGE. Lệnh CHANGE dùng để đổi hiệu ứng của đối tượng.

Ví dụ: khi đối tượng đang mang hiệu ứng Diamond, bây giờ ta muốn thay thành hiệu ứng Blind thì ta chỉ cần nhấp vào Change và sau đó chọn hiệu ứng Blind.

Chú ý: nếu ta dùng change để chọn lại hiệu ứng cho đối tượng thì hiệu ứng cũ sẽ bị thay thế bởi hiệu ứng mới. Nhưng cũng với đối tượng đó ta dùng Add Effect để tiếp tục chọn hiệu ứng cho đối tượng thì đối tượng sẽ có thêm 1 hiệu ứng nữa sau hiệu ứng đã chọn trước đó. Nghĩa là một đối tượng sẽ có thể được áp nhiều hơn 2 hiệu ứng.

- REMOVE: dùng để xóa bỏ hiệu ứng của đối tượng, thực hiện

Chọn một hiệu ứng đã áp vào đối tượng trong hộp hiệu ứng, nhấp vào REMOVE (hoặc nhấn phím DELETE trên bàn phím hoặc nhấn chuột phải vào hiệu ứng rồi chọn Remove)

- Sau chữ MODIFY: là tên hiệu ứng mà đối tượng đang mang

Ví dụ: Modify: diamond nghĩa là đối tượng đang mang hiệu ứng có tên là diamond

- Trong hộp START:
  - ON CLICK: hiệu ứng xuất hiện khi bấm mouse
  - WITH PREVIOUS: hiệu ứng xuất hiện cùng với hiệu ứng trước
  - AFTER PREVIOUS: hiệu ứng xuất hiện sau khi hiệu ứng trước thực hiện xong.

- Trong hộp DIRECTION: dùng để chọn hướng xuất hiện của hiệu ứng:

Ví dụ:
  - IN: hiệu ứng đi vào trong
  - OUT: hiệu ứng tỏa ra ngoài
  - FROM LEFT: hiệu ứng xuất hiện từ bên trái qua phải
  - FROM RIGHT: hiệu ứng xuất hiện từ bên phải qua trái
  - FROM TOP: hiệu ứng xuất hiện từ trên xuống
  - FROM BOTTOM: hiệu ứng xuất hiện từ dưới lên

- Trong hộp SPEED: dùng để chọn tốc độ trình diễn của hiệu ứng

Ví dụ:
  - VERY SLOW: rất chậm
  - SLOW: chậm
  - MEDIUM: trung bình
  - FAST: nhanh
  - VERY FAST; rất nhanh

- RE-ORDER: dùng để thay đổi trật tự của các hiệu ứng. Khi ta quan sát các trang trình chiếu ở chế độ Slide View, ta thấy đối tượng sau khi đã áp hiệu ứng thì được ký hiệu bởi 1 số ở phía bên trên trái đối tượng, đó chính là số thứ tự mà hiệu ứng sẽ xuất hiện. Ta sẽ thay đổi số thứ tự này bằng cách:

Chọn hiệu ứng cần thay đổi thứ tự xuất hiện, nhấn vào mũi tên ¯ (màu xanh) nếu muốn hiệu ứng xuất hiện sau, nhấp - (màu xanh) nếu muốn hiệu ứng xuất hiện trước.

- PLAY: dùng để xem trang trình chiếu ở chế độ Slide View
- SLIDE SHOW: dùng để xem trang trình chiếu toàn màn hình
- AUTOPREVIEW: nếu kiểm nhận thì hiệu ứng sẽ tự trình chiếu sau mỗi lần thay đổi, nếu không kiểm nhận thì hiệu ứng chỉ xuất hiện khi nhấp vào nút Play

Tinh chỉnh hiệu ứng cho đối tượng:

Nhấn chuột phải vào hiệu ứng cần chỉnh sửa thêm, chọn EFFECT OPTION, thấy xuất hiện 1 bảng lệnh mang tên hiệu ứng của đối tượng mà ta đang thực hiện:

- Trong menu EFFECT (hình 5.2)
  - **Sound:** Tạo âm thanh đi kèm hiệu ứng

Ví dụ: Sound: Applause, nghĩa là khi hiệu ứng xuất hiện sẽ nghe tiếng vỗ tay đi kèm

§ **After animation:** trạng thái ẩn hiện sau hiệu ứng

Ví dụ: ***Don't Dim*** (không có gì xảy ra sau hiệu ứng), ***chọn màu hoặc more color*** (sau khi hiệu ứng xuất hiện, văn bản sẽ đổi sang màu vừa chọn), ***Hide after animation*** (văn bản sẽ ẩn sau khi hiệu ứng xuất hiện), ***Hide on next mouse click*** (văn bản sẽ ẩn sau khi click chuột)

§ **Animatext**: cách xảy ra hiệu ứng cho văn bản

Ví dụ: ***All at once*** (xuất hiện văn bản theo từng dòng), ***By word*** (xuất hiện văn bản theo từng chữ), ***By letter*** (xuất hiện văn bản theo từng ký tự)

Hình 5.2

- Trong menu TIMING (hình 5.3)

§ DELAY: xác định gian hiệu ứng xảy ra sau bao nhiêu giây

Ví dụ: Delay: 5 seconds nghĩa là 5 giây sau khi click chuột hiệu ứng mới xuất hiện (nếu ta chọn start on click)

§ REPEAT: lặp lại hiệu ứng với số lần xác định

Ví dụ:

- NONE: không lặp lại hiệu ứng
- 5: lặp lại 5 lần hiệu ứng đang thực hiện (ta có thể nhập số lần lặp lại tùy theo ý muốn)
- UNTIL NEXT CLICK: lặp lại cho đến khi click chuột thì dừng
- UNTIL END OF SLIDE: lặp lại cho đến khi kết thúc slide đang trình chiếu

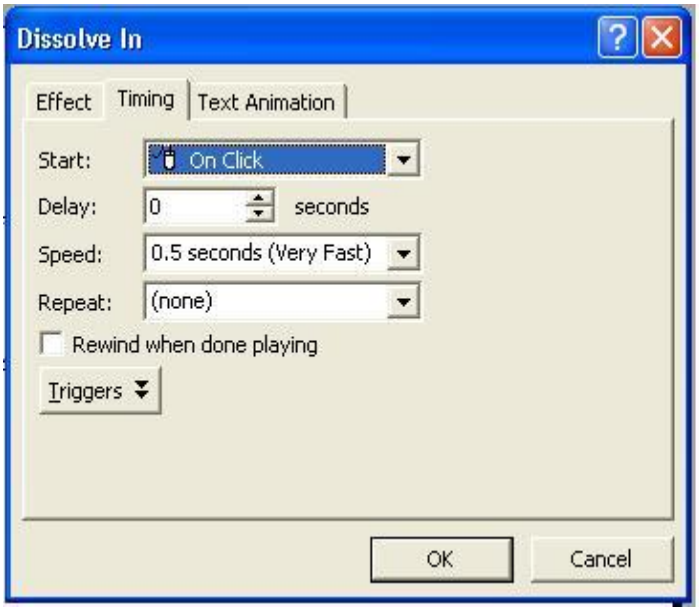

Hình 5.3

- Trong menu TEXT ANIMATION: tạo hiệu ứng cho văn bản

§ AUTOMATICALLY AFTER: xác định khoảng thời gian văn bản xuất hiện sau hiệu ứng trước

§ IN REVERSE ORDER: cho nội dung văn bản xuất hiện theo thứ tự ngược lại

II. Tao hiệu ứng chuyển tiếp giữa các slide (Slide Transition)

Hiệu ứng chuyển tiếp giữa các slide là một trong những hiệu ứng thông thường nhất của Powerpoint. Ta có thể thực hiện các hiệu ứng chuyển tiếp slide để áp dụng cho toàn bộ trình diễn hoặc chỉ cho 1 slide hiện hành

Thực hiện hiệu ứng chuyển tiếp cho slide:

Chọn SLIDE SHOW/ SLIDE TRANSITION, hộp thoại Slide transition xuất hiện (hình 5.4) (có thể chọn từ thanh Task Pane)

- Trong **Apply to selected slide,** chọn hiệu ứng chuyển tiếp cho slide
- Trong **Modify transition**: ***Speed*** (chọn tốc độ chuyển tiếp của slide); ***Sound*** (chọn âm thanh đi kèm khi hiệu ứng chuyển tiếp thực hiện). Nếu kiểm nhận vào hộp ***Loop until next sound*** thì âm thanh đó sẽ lập lại cho đến khi có một âm thanh mới được phát.
- Trong **Advance slide**: Nếu kiểm nhận vào ***On mouse click*** thì hiệu ứng chuyển tiếp chỉ xuất khi click chuột; Nếu muốn định 1 khoảng thời gian cho slide tự động chuyển tiếp thì kiểm nhận vào hộp ***Automatically after*** và ***nhập thời gian xác định vào hộp trắng bên dưới.***
- Nếu muốn áp hiệu ứng chuyển tiếp vừa chọn cho tất cả các slide thì chọn ***Apply to All Slides***

<u>Chú ý</u>: ta có thể thực hiện việc chuyển tiếp giữa các slide trong chế độ Slide Sorter hoặc chế độ Slide View

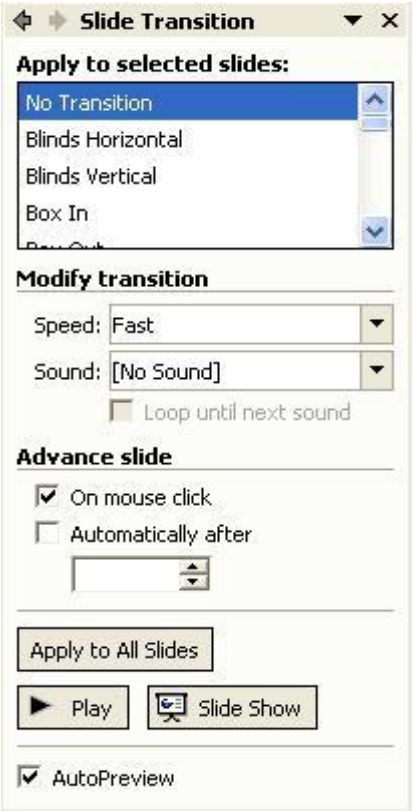

Hình 5.4